

## **BÀI 5: TRÒ CHUYỆN CÙNG THIÊN NHIÊN (13 tiết)**

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 3 tiết;  
Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

### **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của hồi kí.
- Nhận biết được chủ đề của VB tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của VB.
- Nhận biết được biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ và tác dụng của chúng; vận dụng được biện pháp tu từ khi viết và nói.
- Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt; nói và nghe về một cảnh sinh hoạt.
- Biết lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên và tâm hồn mình.

## II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

### 1. Phương pháp dạy học

- Kết hợp diễn giảng ngắn với việc tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, trình bày ý kiến, đóng vai.
- Tổ chức cho HS kết hợp đọc với viết: điền vào các phiếu học tập, viết đoạn văn, ...
- Tổ chức cho HS thực hành.

### 2. Phương tiện dạy học

Tùy điều kiện, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

- SGK, SGV.
- Một số tranh ảnh có trong SGK được phóng to, tranh ảnh, giáo cụ liên quan đến bài học.
  - Ảnh chân dung tác giả; máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh tư liệu liên quan.
  - Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
  - Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi (ở khâu *Chuẩn bị đọc, Suy ngẫm và phân hỏi*) trong SGK thành phiếu học tập.
  - Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài trình bày của HS.

## III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

### GIỚI THIỆU BÀI HỌC

Tham khảo cách giới thiệu trong SGK.

Tuy nhiên, việc giới thiệu bài học cần ngắn gọn linh hoạt, nêu được câu hỏi lớn: *Thiên nhiên muốn trò chuyện cùng chúng ta điều gì?*

### TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN

#### 1. Tri thức đọc hiểu

Khi dạy bài này, GV cần lưu ý thêm một số vấn đề sau:

- *Trò chuyện cùng thiên nhiên* là bài học thứ năm trong học kì I hướng dẫn HS đọc VB tự sự, sau 2 bài đọc VB truyện, tri thức đọc hiểu trong bài này cơ bản đã được chuẩn bị từ nhiều bài trước liên quan đến các thể loại tự sự nói chung. Tuy vậy, đây là bài học đầu tiên về VB kí, cần dành thời gian thích đáng để HS đọc tri thức đọc hiểu về kí, tránh đồng nhất đọc kí với việc đọc VB thuần kể chuyện hay thuần miêu tả.

– GV có thể nêu một vài câu hỏi gợi dẫn. Chẳng hạn, nêu câu hỏi: Cho biết: 1. Hỏi kĩ là thể loại đề cập đến sự việc đang xảy ra hay đã xảy ra? 2. Nếu được yêu cầu “kể lại một sự việc mà em đã tham dự hoặc đã chứng kiến trong quá khứ” thì em sẽ nhớ lại và kể theo sự thực hay kể theo những gì mà mình tưởng tượng?... Sau đó, nhắc HS đọc kĩ mục *Tri thức đọc hiểu* để tự trang bị kiến thức nền cho việc đọc thể loại.

## 2. Tri thức tiếng Việt

Bài này được học trong 2 tiết. GV cần dành khoảng 15 đến 20 phút hướng dẫn HS tìm hiểu về ẩn dụ và hoán dụ trước khi tổ chức cho HS thực hành bởi đây là hai khái niệm thuộc tiêu điểm tiếng Việt của bài học, cũng là các hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện nhiều trong các VB *Lao xao ngày hè*, *Thương nhớ bầy ong*, *Đánh thức trâu*, nhất là ẩn dụ (và gần gũi với ẩn dụ là so sánh, nhân hoá). Việc giúp HS nắm vững ẩn dụ, hoán dụ (cũng như so sánh, nhân hoá) và thực hiện được các bài tập trong bài học, sẽ giúp cho HS đọc hiểu VB và việc viết bài văn miêu tả tốt hơn.

SGK đã cung cấp cách hiểu về hai khái niệm. Cách giải thích khái niệm trong SGK về ẩn dụ, hoán dụ đều xoay quanh ba ý chính: định nghĩa (thế nào là ẩn dụ/hoán dụ?), cơ chế (việc tạo ra ẩn dụ/hoán dụ dựa trên mối quan hệ nào?), tác dụng (ẩn dụ/hoán dụ có tác dụng gì?). Để giúp HS lớp 6 nhận biết ẩn dụ, hoán dụ cũng như phân biệt chúng với nhau và với một số khái niệm khác (như so sánh, nhân hoá,...), GV không nên diễn giải nhiều mà nên lập bảng đối chiếu giúp HS nhận biết sự tương đồng, khác biệt giữa ẩn dụ và so sánh.

So với ẩn dụ, trong thực tế giao tiếp và trong văn chương, hoán dụ thường ít được sử dụng hơn và cũng khó nhận biết đối với HS hơn. Vì thế, GV nên dựa vào hiểu biết đã có của HS về ẩn dụ làm cơ sở để hình thành kiến thức về hoán dụ.

Theo đó, sau khi HS đã hiểu và có khả năng nhận biết ẩn dụ, GV lập bảng đối chiếu sự tương đồng khác biệt giữa ẩn dụ và hoán dụ, ví dụ như bảng sau:

**Bảng đối chiếu ẩn dụ và hoán dụ**

Nội dung	Ẩn dụ	Hoán dụ
Định nghĩa (là gì? Thế nào là...?)	là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó.	là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có quan hệ gần gũi với nó.
Cơ chế (... được tạo ra theo cách nào?)	dựa trên mối quan hệ tương đồng giữa các sự vật, hiện tượng.	dựa trên mối quan hệ gần gũi giữa các sự vật, hiện tượng.
Tác dụng (có tác dụng gì?)	làm tăng sức gợi hình, gợi cảm trong diễn đạt, sáng tạo.	làm tăng sức gợi hình, gợi cảm trong diễn đạt, sáng tạo.

## TÌM HIỂU KĨ NĂNG ĐỌC

### 1. Kĩ năng đọc hồi kí

Khi dạy bài này, GV cần lưu ý dạy đọc *Đạy kĩ năng đọc hiểu thể loại hồi kí* theo cụm VB. Đọc ở đây là đọc hiểu VB thuộc thể loại hồi kí, theo đúng các yêu cầu cần đạt mà chương trình đã xác định. Trọng tâm của bài học là hướng dẫn HS đọc hiểu VB hồi kí. Vì thế, mục tiêu giúp HS *nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của hồi kí* sẽ là mục tiêu hàng đầu, cần được ưu tiên và giải quyết rõ ràng. Việc tổ chức hoạt động dạy học đọc cần tuân thủ một số nguyên tắc, cách thức sau đây:

*Thứ nhất:* Bám sát và đáp ứng đầy đủ mục tiêu của bài học, cụ thể là bám sát các mục tiêu về đọc đã phân bổ cho bài học và cho mỗi VB trong cụm ngữ liệu, gồm: đọc hiểu nội dung VB, đọc hiểu hình thức VB, đọc hiểu trong sự liên hệ, kết nối, đọc hiểu mở rộng.

*Thứ hai:* Bám sát và tuân thủ quy trình dạy học đọc hiểu trên lớp, gồm các khâu *Chuẩn bị đọc* (trước khi đọc), *Trải nghiệm cùng văn bản* (trong khi đọc), *Suy ngẫm và phản hồi* (sau khi đọc) để hình thành thói quen, các kĩ năng và rộng hơn, năng lực đọc hiểu VB cho HS.

*Thứ ba:* Chú ý đúng mức đến việc phối hợp các cấp độ nhận thức của HS trong tiếp nhận VB thông qua một hệ thống câu hỏi dẫn dắt, khơi gợi để HS tự trải nghiệm và khám phá VB, từng bước chủ động tích lũy kinh nghiệm, phương pháp đọc VB. Chẳng hạn, trước khi đọc, HS phải biết và được chuẩn bị tâm thế đọc cùng tri thức đọc hiểu; trong khi đọc HS phải biết và được vận dụng một số kĩ năng đọc (suy đoán/ suy luận/ dự đoán, theo dõi, liên hệ, kết nối, hình dung,...); sau khi đọc, HS phải từng bước đọc sâu và có những phản hồi thích đáng của một người đọc tích cực đối với VB. Đó là một quá trình đọc có “chiến lược”, theo định hướng của SGK và của GV; các hoạt động trước, trong khi đọc đều nhằm chuẩn bị cho các hoạt động phản hồi sau khi đọc. Vì thế, quan trọng nhất vẫn là làm sao mở ra các cơ hội phản hồi chủ động, tích cực của mỗi HS trong quá trình đọc VB.

### 2. Kĩ năng theo dõi

Các kĩ năng đọc nói đến ở đây chủ yếu là những kĩ năng trong khi đọc, hình thành trong khi HS “trải nghiệm cùng VB” ở trên lớp. Trong bài học này, chú trọng vào SGK các kĩ năng suy luận, liên hệ, theo dõi,... GV nên tập trung cho HS rèn luyện các kĩ năng này. Nhiều kĩ năng đã được luyện tập ở bài trước đến bài này cần được củng cố. Riêng kĩ năng theo dõi, là kĩ năng mới, cần được ưu tiên luyện tập kĩ hơn. Đây là kĩ năng đòi hỏi HS đọc theo dõi nắm bắt một số chi tiết xuất hiện rải rác trong VB, đối chiếu chúng với nhau để nhận ra một điều gì đó, hoặc mang nghĩa ngầm ẩn, hoặc có tính hệ thống. Chẳng hạn:

*Khi con bìm bịp kêu “bíp bíp” tức là đã thông buổi. Nghe đâu trước đây có một ông sư dữ như hổ mang. Lúc ông ta chết, giờ bắt ông ta hoá thân làm con bìm bịp. Ông ta phải tự nhận là bíp, mở miệng ra là “bíp bíp”. Giờ khoác cho nó bộ cánh nâu, suốt đêm*

ngày rúc trong bụi cây. Khi nó kêu thì một loạt chim ác, chim xấu mới ra mặt. Ít khi chúng ra mặt vào buổi sớm. ●

Đoạn văn hỏi về các loài chim (xem SGK):

Mục đích của câu hỏi theo dõi ở đây là nhắc HS nhớ lại các từ “chim hiền”, “chim tốt” đã xuất hiện ở đoạn trước, để sơ bộ nhận ra, trong con mắt trẻ thơ của nhân vật “tôi”, thế giới các loài chim được chia thành hai loại, với sự yêu ghét rất hồn nhiên và rõ ràng: chim hiền, chim tốt và chim ác, chim xấu.

Về cách thức thực hiện:

– Mời HS đọc một đoạn khác và thực hiện theo cách mà GV đã làm 1 hoặc 2 lần. GV cần tập trung nhận xét cách HS thực hiện kỹ năng, hơn là nội dung câu trả lời của HS.

– Có thể tổ chức cho HS trao đổi theo cặp kết quả đọc của các em sau khi hoạt động *Trải nghiệm cùng VB* trên lớp kết thúc, trước khi bắt đầu tìm hiểu VB theo nhóm câu hỏi sau khi đọc (ở bước *Suy ngẫm và phản hồi*).

(Xem thêm bài 1)

## ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

### VĂN BẢN 1: LAO XAO NGÀY HÈ

#### 1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Mục tiêu dạy học	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phản hồi</i>
Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc [1.a], người kể chuyện ngôi thứ nhất [1.b] của hồi kí	[1.a]: Câu hỏi 2, 3, 5 [1.b]: Câu hỏi 1
Nhận biết được chủ đề của VB [2]	[2]: Câu hỏi 4
Nhận biết tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của VB [3]	[3]: Câu hỏi 5
Đặc điểm của chung và tác động của VB đến cá nhân HS [4]	[4]: Câu hỏi 6

#### Theo dõi

[2] Các từ “chim ác, chim xấu” ở đây nhắc đến một từ ngữ đã xuất hiện trong đoạn trước của VB. Đó là từ ngữ nào?

## 2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

Cần lưu ý rằng: *Lao xao ngày hè* cũng như *Thương nhớ bầy ong*, *Một năm ở Tiểu học* chỉ là VB trích. Dạy đọc VB trích sẽ phải khác với dạy đọc một VB hoàn chỉnh.

Cái khó của việc dạy đọc hồi kí – một thể loại “cỡ lớn” nhiều chương, phần – trong nhà trường, là phải chấp nhận dạy trích đoạn. Các trích đoạn hồi kí được đưa vào SGK thường thiên về kể chuyện, hoặc thiên về miêu tả. Do vậy, việc dạy đọc hồi kí rất dễ bị chệch sang dạy VB kể chuyện hoặc VB miêu tả. Mà mục tiêu của chương trình là dạy đọc hồi kí, hiểu đặc điểm và cách đọc hồi kí. Bởi vậy, dù là dạy đọc một chương, một phần của tác phẩm kí cũng cần phải làm cho HS thấy được đây là “thể loại văn học coi trọng sự thật và những trải nghiệm, chứng kiến của chính người viết” (khác với truyện, kịch và thơ); “các sự việc thường được kể theo trình tự thời gian, gắn với một hoặc nhiều giai đoạn trong cuộc đời của tác giả”; “nhân vật xưng “tôi” trong tác phẩm là hình ảnh của tác giả, được miêu tả thể hiện một cách trung thực, chân thành”. Từ đó mà giúp HS biết cách đọc các VB mở rộng theo thể loại này.

Quán triệt tinh thần trên cũng là cách tốt để từ dạy đọc VB trích, vẫn có thể giúp HS biết xem xét các yếu tố, chi tiết trong tính chỉnh thể của VB hồi kí.

Sau đây là một số thao tác, hoạt động giúp hình thành ở HS ý thức đặt VB trích trong tính tổng thể của tác phẩm để hiểu đúng hơn về VB. Cho HS tìm hiểu khung giới thiệu hồi kí *Tuổi thơ im lặng* của Duy Khánh.

Yêu cầu HS cho biết VB trích thuộc chương, phần nào của tác phẩm, ở đó người viết tập trung kể về sự việc gì, thuộc về quãng đời nào của tác giả.

### 2.1. Chuẩn bị đọc

GV chuẩn bị tâm thế đọc VB cho HS bằng cách cho các trả lời nhanh hai câu hỏi nêu trong SGK.

### 2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV cần dành thời gian thích đáng cho các hoạt động trong khâu này:

- GV hoặc HS có giọng đọc tốt đọc thị phạm một vài đoạn ngắn hay hoặc khó.
- HS đọc bằng mắt, thực hiện một số yêu cầu của khâu “trải nghiệm cùng VB”.
- GV nhắc HS về các điểm ngừng đọc để thực hiện yêu cầu rèn luyện kĩ năng đọc.
- GV yêu cầu HS dừng đọc để kiểm tra việc các em đã kết hợp đọc VB với việc dừng lại trả lời các câu hỏi trong các khung theo dõi/ suy luận/ liên hệ... như thế nào. Nhận xét ngắn gọn và yêu cầu HS tiếp tục trải nghiệm cùng VB.

### 2.3. Suy ngẫm và phản hồi

Trong quy trình đọc hiểu, suy ngẫm và phản hồi (các hoạt động *Sau khi đọc*) cần được xem như là cơ hội, là điều kiện để GV và HS trực tiếp thực hiện yêu cầu cần đạt về đọc

của bài học (thông qua thực hiện các mục tiêu). Đây cũng là khâu mà GV cần tập trung đầu tư nhiều nhất cho nội dung dạy học đọc. GV cần phải kiểm soát tốt – về lượng lẫn về chất – hệ thống yêu cầu cần đạt được cài đặt vào hệ thống câu hỏi đọc hiểu (sau khi đọc).

Chúng tôi sẽ giải thích thêm một số khái niệm liên quan đến các yếu tố của tác phẩm hồi kí được nêu trong mục tiêu bài học:

*Hình thức ghi chép* và *cách kể sự việc* trong hồi kí: Với HS lớp 6, không cần phải phân biệt hai khái niệm này, tuy nhiên hai khái niệm này không phải là một. GV cũng cần nắm được sự khác biệt ấy.

Hình thức ghi chép ở đây, chủ yếu nói đến thái độ trung thực, tôn trọng sự thật (phi hư cấu); thái độ này liên quan đến cách người viết hồi kí chọn ghi sự kiện gì, tập trung vào quãng thời gian nào trong quá khứ, sắp xếp chuỗi hồi ức theo trật tự nào,... giúp cho bức tranh đời sống trong quá khứ hiện lên trung thực, đáng tin cậy nhất.

Cách kể sự việc trong hồi kí có liên quan đến việc “ghi chép”, nhưng thiên về khía cạnh thủ pháp tự sự như: việc lựa chọn góc nhìn, cách dẫn dắt sự việc, cách hoà phối các lớp lời văn như tả, kể, bày tỏ thái độ, cảm xúc, đối thoại, độc thoại,... sao cho hồi kí sinh động, hấp dẫn.

*Người kể chuyện ngôi thứ nhất* trong hồi kí: người kể chuyện ngôi thứ nhất với tác giả hồi kí thường được xem là một và là nhân vật có thật, khác với người kể chuyện ngôi thứ nhất trong truyện (nhân vật do tác giả hư cấu nên để thay mình kể lại câu chuyện, sự việc).

Dưới đây là một số gợi ý về nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động đọc hiểu qua hệ thống câu hỏi.

**Câu hỏi 1:** Yêu cầu HS trả lời đúng và đủ các ý nêu trong câu hỏi:

– Bức tranh được miêu tả qua cảm nhận của nhân vật một cậu bé và nhóm bạn trạc tuổi mình, theo ngôi thứ nhất xưng “chúng tôi”/ “tôi”.

– Người kể chuyện trong VB cũng chính là tác giả Duy Khán ở thời điểm viết hồi kí *Tuổi thơ im lặng*; VB là chuỗi hồi ức về tuổi thơ của chính tác giả.

**Câu hỏi 2:** GV hướng dẫn HS làm thử trước khi liệt kê vào vở và phát biểu kết quả.

**Liệt kê một số câu văn kể chuyện, miêu tả, biểu cảm**

Câu văn kể chuyện	Câu văn miêu tả	Câu văn biểu cảm
<i>Chúng tôi tụ hội ở góc sân.</i>	<i>Hoa móng rồng bụi bầm thom như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyên.</i>	<i>Tôi khát khao thầm ước: Mùa hè nào cũng được như mùa hè này!</i>

**Câu hỏi 3:** GV có thể gợi dẫn HS đáp ứng câu hỏi này theo cách tách biệt hai yêu cầu:

– Chỉ ra được một số âm thanh, hình ảnh đã góp phần làm nên cái “lao xao ngày hè” trong VB.

– Xác định được người kể chuyện đã cảm nhận cái “lao xao” ấy bằng những giác quan nào.

Nhưng cũng có thể hướng dẫn HS kết hợp giải quyết đồng thời hai yêu cầu trên. Chẳng hạn sử dụng một bảng đối chiếu theo hai cột: cột âm thanh, hình ảnh và cột giác quan. Ví dụ:

<b>Âm thanh, hình ảnh</b>	<b>Giác quan cảm nhận</b>
Tiếng kêu của các loài chim mỗi loài một kiểu âm thanh riêng (ví dụ:...)	Thính giác
<i>Tiếng trò chuyện “râm ran” của nhóm trẻ (“chúng tôi”).</i> <i>Tiếng nước suối chảy “ào ào”.</i> <i>Tiếng sáo diều cao vút của chú Chàng; trong dàn nhạc ve; trong tiếng chó thũng thảng sủa giăng,...</i>	Thính giác kết hợp với giác quan khác
<i>Cây cối um tùm.</i> <i>Cây hoa lan nở hoa trắng xoá.</i> <i>Hoa dẻ từng chùm mảnh dẻ.</i> ...	Thị giác
<i>Hoa móng rồng bụi bắm thơm như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyên.</i> <i>Cả làng thơm.</i>	Khứu giác + thị giác + ...
<i>Chúng tôi no nê, rủ nhau giải chiếu ở hiên nhà ngủ cho mát.</i> <i>Chớm hè.</i>	Xúc giác
<i>Ngày lao xao, đêm cũng lao xao. Cả làng xóm hình như không ai ngủ, cùng thức với giờ, với đất.</i>	Kết hợp khéo léo rất nhiều giác quan tinh tế để cảm nhận

Về phương pháp, GV nên dẫn dắt HS từng bước nhận biết giác quan cảm nhận âm thanh hình ảnh ngày hè từ đơn giản dễ biết, dễ gọi tên (thính giác, thị giác) đến phức tạp, tinh tế khó biết, khó gọi tên hơn (khứu giác, xúc giác; phối hợp nhiều giác quan).

Kết quả trả lời câu hỏi này không chỉ có ý nghĩa giúp HS nhận biết, cảm nhận được nghệ thuật quan sát miêu tả ngày hè với tất cả các giác quan, cả tâm lòng yêu thiên nhiên, tâm hồn trong sáng của tác giả Duy Khán qua bài đọc mà còn chuẩn bị cho việc viết bài văn miêu tả cảnh sinh hoạt ở phần Viết.



#### Câu hỏi 4 :

– GV yêu cầu HS nhắc lại cách hiểu về chủ đề nêu ở bài trước (nên đưa ra một ví dụ về chủ đề (có thể nhắc lại chủ đề của một vài VB trong bài trước)).

Chủ đề: vấn đề chính mà VB nêu lên qua một hiện tượng đời sống. Ví dụ, vấn đề chính trong VB *Thánh Gióng* là tinh thần chiến đấu đánh đuổi giặc ngoại xâm giữ nước của dân tộc Việt Nam từ xa xưa, trong VB *Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân* là việc giữ gìn, phát huy các giá trị văn hoá dân tộc trong lễ hội truyền thống.

– Khi HS phát biểu chủ đề của VB, GV lưu ý HS chốt lại một vài cụm từ khái quát, phù hợp với nội dung VB (thể hiện tình yêu thiên nhiên, cuộc sống ngày hè qua chuỗi hồi ức của tác giả; bức tranh sinh hoạt ngày hè; cái lao xao của cuộc sống ngày hè;...); khuyến khích những cách diễn đạt khác nhau về chủ đề (miễn là sử dụng được các cụm từ quan trọng, phù hợp).

#### Câu hỏi 5:

– GV hướng dẫn HS đọc kĩ đoạn văn, lắng nghe tiếng nói và cảm xúc của người kể chuyện – tác giả qua từng câu văn và toàn đoạn văn. Chẳng hạn, lần lượt gọi tên các cảm xúc bộc lộ qua từng câu trong đoạn văn:

Câu văn, từ ngữ, hình ảnh	Tình cảm, cảm xúc
"Cả nhà ngồi ăn cơm <b>trong hương lúa đầu mùa từ đồng Chõ thoảng về; trong tiếng sáo diều cao vút của chú Chàng; trong dàn nhạc ve; trong tiếng chó thủng thảng sủa giăng...</b> " "Chúng tôi <b>no nê</b> , rủ nhau giải chiếu ở hiên nhà <b>ngủ cho mát.</b> "	<b>Nhớ thương, trân trọng</b> (sự đầm ấm quây quần của sinh hoạt gia đình trong những tháng ngày thơ ấu êm đềm đầy thanh âm, hương sắc, gió, trăng,...) Sự <b>mãn nguyện</b> với hạnh phúc đơn sơ.
Ôi cái mùa hè hiếm hoi. Ngày lao xao, đêm cũng lao xao. Cả làng xóm hình như không ai ngủ, cùng thức với giờ, với đất. Tôi <b>khát khao thắm ước</b> : Mùa hè nào cũng được như mùa hè này!	Niềm <b>xao xuyến băng khuâng</b> khó tả, <b>nhớ tiếc</b> niềm vui hiện có hiếm hoi, <b>mong ước thiết tha</b> : mọi mùa hè đều chan chứa niềm vui lao xao như thế.

– HS có thể gọi tên các cung bậc tình cảm, cảm xúc của người kể chuyện ("chúng tôi") theo cách riêng, nhưng cần đáp ứng đúng yêu cầu của câu hỏi. Thứ nhất, gọi tên (chỉ ra) được cung bậc cảm xúc: cảm xúc khoan khoái, băng khuâng khi tận hưởng cái không khí riêng của ngày hè; tình yêu thiên nhiên, lòng trân trọng những kỉ niệm tuổi thơ vừa êm đềm vừa sôi nổi,... niềm khao khát được mãi mãi tận hưởng cái lao xao ngày hè,... Thứ hai, xác định được từ ngữ, hình ảnh, cấu trúc cú pháp, thủ pháp biểu đạt cung bậc cảm xúc đã nêu. GV có thể hướng dẫn HS thực hiện đồng thời hai yêu cầu của câu hỏi. Cũng có thể bắt đầu bằng việc đọc, gạch chân các yếu tố ngôn ngữ đáng lưu ý (ví dụ các từ in đậm trong mỗi câu văn), rồi dựa vào đó mà gọi tên cảm xúc.

### Câu hỏi 6:

Đây là một câu hỏi đánh giá, vận dụng theo hướng mở: HS có thể phát biểu chia sẻ hoặc là “ấn tượng” hoặc là “cảm xúc” của mình khi đọc VB.

– Nếu là nêu “ấn tượng”, có thể là: ấn tượng trong em về một bức tranh đầy âm thanh, hương sắc sống động, chân thực được cảm nhận qua rung động tinh tế chân thành của tâm hồn trẻ thơ. (Ấn tượng có thể được HS nêu lên bằng một vài câu cũng có thể bằng một vài từ ngữ).

– Nếu là “cảm xúc”, có thể: qua bài đọc em thấy hiểu thêm, yêu thêm mùa hè/ thiên nhiên; thấy quý trọng hơn những kỉ niệm, những ngày tháng thơ trẻ,... (Cảm xúc có thể được HS phát biểu bằng một vài câu cũng có thể bằng một vài từ ngữ).

## VĂN BẢN 2: THƯƠNG NHỚ BẦY ONG

### 1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Mục tiêu dạy học	Hệ thống câu hỏi <i>suy ngẫm và phản hồi</i>
Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc [1.a], người kể chuyện ngôi thứ nhất [1.b] của hồi kí.	[1.a]: Câu hỏi 1, 2
Nhận biết được chủ đề của VB. [2]	[2]: Câu 1, 4
Nhận biết tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của VB. [3]	[3]: Câu hỏi 3
Đặc điểm chung và tác động của VB đến cá nhân HS. [4]	[4]: Câu hỏi 6

### 2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

#### 2.1. Chuẩn bị đọc

GV dựa vào các câu hỏi trong SGK để thực hiện bước này.

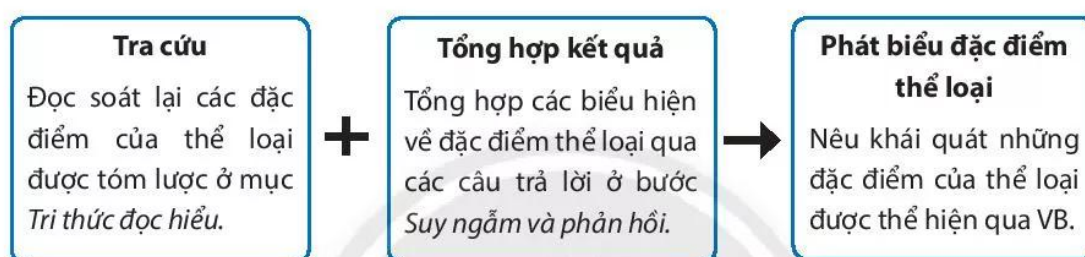
#### 2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV dựa vào các câu hỏi về kĩ năng đọc trong SGK (xem các khung) để thực hiện bước này (Tham khảo các gợi ý trải nghiệm cùng VB *Lao xao ngày hè*).

### 2.3. Suy ngẫm và phân hỏi

**Câu hỏi 1:** Loại câu hỏi này thường được đặt ra ít nhất một lần với các bài đọc hiểu VB theo thể loại. GV nên hướng dẫn HS cách thực hiện dạng yêu cầu này trên cơ sở làm quen với một số thao tác chủ yếu. Từ đó, giúp HS nêu được một cách khái quát các đặc điểm của thể loại (ở đây là hồi kí) qua VB vừa đọc. Cần lưu ý HS, không phải các đặc điểm của thể loại hề đã được nêu trong mục *Tri thức đọc hiểu* là chúng được thể hiện đầy đủ, rõ rệt trong các VB cụ thể. Câu trả lời vì thế, không đơn giản là nhắc lại *Tri thức đọc hiểu* mà phải xuất phát từ các biểu hiện cụ thể qua VB. Dưới đây là sơ đồ các thao tác chính của quá trình nhận biết – suy luận.

Sơ đồ 1. Thao tác cần thực hiện để phát biểu đặc điểm thể loại qua VB



Với câu hỏi “Những dấu hiệu nào đã giúp em biết văn bản trên thuộc thể hồi kí?”, yêu cầu “nhận biết” chỉ có thể thực hiện trên cơ sở có đối chiếu, suy luận giữa các thông tin trong VB và thông tin bổ trợ (ngoài VB). GV cần lưu ý điều đó. Cách tiến hành có thể như sau:

– Nhắc HS rằng: Nếu chỉ căn cứ vào VB thì có thể chưa đủ dữ liệu để trả lời câu hỏi trên. Cần phải đối chiếu thông tin trong VB với thông tin ngoài VB (trong khung thông tin về *Hồi kí Song đôi*, tác giả Huy Cận và việc viết hồi kí này) để đưa ra câu trả lời.

Trong các khung tri thức bổ trợ, có một số thông tin: “*Hồi kí Song đôi* là cuốn hồi kí về cuộc đời của hai nhà thơ Huy Cận và Xuân Diệu”. *Hồi kí Song đôi* gồm hai tập. Phần VB trong SGK được trích từ chương *Tổ ong trại*, tập một.

– Gợi ý cho HS nhận thấy: Căn cứ vào VB *Thương nhớ bầy ong*, cũng có thể nhận thấy một số dấu hiệu để nhận biết VB này thuộc thể hồi kí. Chẳng hạn: VB là hồi ức, tình cảm chân thật của cậu bé xưng “tôi”; những nhân vật, cảnh quan, sự việc, cảm xúc,... được nói đến là có thực và được ghi chép lại theo thể thức của hồi kí (tôn trọng sự thực);...

**Câu hỏi 2:** GV có thể tổ chức cho HS giải quyết câu hỏi 2 như sau:

– Nêu vấn đề: Các chi tiết trong VB văn học nhiều khi rất đơn sơ, nhỏ bé nhưng lại rất tinh tế và nhiều ý nghĩa, sẽ rất đáng tiếc, nếu như các chi tiết ấy bị bỏ qua.

– Dùng bảng phụ hay phương tiện khác trình chiếu cho hai câu văn. Chẳng hạn:

Câu nguyên văn	Câu lược bớt
Và ý thơ cuộc đời, ý thơ vũ trụ, cái xa xôi vắng vẻ sau này ám ảnh tôi, ngày thơ bé tôi đã nghe rồi, mỗi lần ong trại."	Và ý thơ cuộc đời, ý thơ vũ trụ, cái xa xôi vắng vẻ (...) ám ảnh tôi, (...) tôi đã nghe rồi, mỗi lần ong trại.

– Cho HS so sánh đoạn văn vừa lược bỏ (các từ ngữ “sau này”, “ngày thơ bé”) với đoạn nguyên văn, tìm ra sự khác biệt về thông tin.

– Cho HS thảo luận: nếu lược bỏ, thì câu văn sẽ mất đi điều gì?

Gợi ý: Hậu quả của việc lược bỏ: (1) sự việc được kể sẽ trở nên mơ hồ (không rõ xảy ra lúc nào); (2) “ý thơ cuộc đời, ý thơ vũ trụ, cái xa xôi vắng vẻ” trong tâm hồn người kể chuyện xưng “tôi” sẽ không rõ là của “tôi” khi đã trưởng thành (“sau này”) hay của “tôi” trong những lần nhìn “ong trại” (“ngày thơ bé”), hay đó là của mọi nơi, mọi lúc như là bản tính, sinh ra đã là như thế của tác giả Huy Cận.

– Từ kết quả thảo luận rút ra kết luận:

+ Kết luận 1: việc bỏ các cụm từ “sau này” và “ngày thơ bé” sẽ làm cho việc ghi chép kể lại sự việc của VB hồi kí trở nên mơ hồ, không thể hiện đúng điều tác giả muốn nói.

+ Kết luận 2: Các từ ngữ chỉ thời gian (cũng như chỉ không gian) trong hồi kí có tác dụng: làm cho sự việc, bối cảnh, diễn tiến của sự việc cũng như tâm trạng, tình cảm, hành động của người kể chuyện và các nhân vật trở nên xác định, xác thực.

**Câu hỏi 3:** Gợi ý: Với yêu cầu thứ nhất – liệt kê từ ngữ

– GV nhắc HS: VB diễn tả tâm trạng của nhân vật “tôi” khi chứng kiến bầy “ong trại” không chỉ một lần, từ “buồn” có thể được lặp lại nhiều lần. Đọc kĩ và liệt kê các từ ngữ ấy.

– HS đọc VB để tìm từ ngữ. Sản phẩm liệt kê là một danh mục (có thể gồm các từ ngữ, câu văn dưới đây):

+ “buồn lắm, cái buồn xa xôi vắng tạnh của chiều quê, của không gian”;

+ “tôi buồn đến nỗi khóc một mình, nghe lòng bị ép lại, như trời hạ thấp xuống”;

+ “buồn nhất là mấy lần ong “trại””;

+ “buồn không nói được”;

+ “cái buồn của đứa bé rộng lớn đến bao nhiêu, trông như một mảnh hồn của tôi đã san đi nơi khác”;

+ “ý thơ cuộc đời, ý thơ vũ trụ, cái xa xôi vắng vẻ... ám ảnh tôi”.

Gợi ý: Với yêu cầu thứ hai, GV khuyến khích HS cần nêu nhận xét riêng theo cách diễn đạt của mình. Cần lưu ý đến cảm nhận riêng không quên hướng dẫn, chỉnh sửa cách diễn đạt. Lưu ý HS diễn đạt theo một số mẫu câu, ví dụ: chủ ngữ (“Cậu bé”) + vị ngữ (đã yêu thương, nhớ tiếc bầy ong với cả trái tim mình/...); chủ ngữ (“Tình cảm của cậu bé dành cho bầy ong”) + vị ngữ (thật chân thành và sâu sắc/ thật đặc biệt và cảm động/...),...

#### **Câu hỏi 4:**

– GV giúp HS phân biệt câu văn miêu tả, kể chuyện với câu văn biểu cảm (kể lại cảm xúc suy tư) làm cơ sở cho việc nhận biết các đoạn văn có sự kết hợp giữa hai trường hợp trong VB).

Ví dụ về:

+ Câu văn thuần “kể lại sự việc”: ...

+ Câu văn “kể lại cảm xúc, suy tư”: ...

– Cho HS đọc lại một vài đoạn tiêu biểu để phát hiện sự kết hợp (khá thường xuyên) giữa “kể lại sự việc” với “kể lại cảm xúc, suy tư” trong VB. GV có thể chia lớp thành hai nhóm lớn, mỗi nhóm khảo sát nhận xét về sự kết hợp và nhận xét tác dụng của nó trong một đoạn văn dưới đây.

Đoạn văn 1: *Sau nhà có hai đống ong “sây” lắm. Chiều lỡ buổi (khoảng 4 giờ chiều) thì ong bay ra họp đàn trước đống, và tôi hay ra xem, nhiều khi bị ong đốt nhưng mê xem không thôi. Buồn lắm, cái buồn xa xôi vắng tạnh của chiều quê, của không gian mà tôi cảm nghe từ buổi ấy. Nhất là những lúc cả nhà đi vắng thì tôi buồn đến nỗi khóc một mình, nghe lòng bị ép lại, như trời hạ thấp xuống. Và bây ong thì vù vù không thôi.*

Đoạn văn 2: *Một lần, ở nhà một mình tôi thấy ong trại mà không thể làm gì được. Tôi cũng ném đất vụn lên không nhưng không ăn thua gì. Ong vù vù lên cao, bay mau và mắt hút trong chốc lát. Tôi nhìn theo, buồn không nói được. Cái buồn của đĩa bé rộng lớn đến bao nhiêu, các thi sĩ, văn nhân đã ai nói đến chưa? Nhìn ong trại đi, tưởng như một mảnh hồn của tôi đã san đi nơi khác.*

GV có thể đưa ra kết luận: sự nhờ kết hợp (như ta vừa khảo sát) mà văn hồi kí của Huy Cận trong *Thương nhớ bốn ong* giàu chất thơ và truyền cảm, khiến người đọc cũng buồn vui cùng nhân vật “tôi” trong tác phẩm.

**Câu hỏi 5:** Liên quan đến cách ghi chép, kể sự việc là cách quan sát cuộc sống, sự vật, lắng nghe tiếng nói tâm hồn của người kể chuyện xưng “tôi” trong VB. GV hướng dẫn HS đọc và đưa ra nhận xét của bản thân về điều này. Cần giúp HS trả lời một số câu hỏi:

– Cách quan sát của một cậu bé có khác gì với cách quan sát của một người lớn (người trưởng thành hay người cao tuổi)?

– Khi kể lại sự việc bây ong “trại” nhân vật “tôi” tập trung nhìn cảnh vật (khu vườn, bầu trời, bây ong,...), chú ý đến cảm xúc của bản thân mình, hay quan sát, chú ý đến cả hai?

– ...

Từ đó giúp HS rút ra một vài nhận xét tương đối khái quát về cách quan sát của nhân vật “tôi” trong VB. Có thể hướng HS đến các nhận xét rất riêng:

– “Tôi” quan sát bầy ong và cuộc sống bằng đôi mắt hồn nhiên, thơ trẻ mà không kém phần sâu sắc.

– “Tôi” đã quan sát và kể chuyện bằng các giác quan và bằng cả tâm hồn mình.

– “Tôi” đã quan sát và kể chuyện bằng tâm hồn nhạy cảm và giàu thương yêu của một nhà thơ.

**Câu hỏi 6:** GV nhắc HS nhớ lại cách hiểu về “người kể chuyện xưng tôi” trong hồi kí trong mục *Tri thức đọc hiểu*. Từ việc xác định cách hiểu về người kể chuyện ngôi thứ nhất trong hồi kí GV hướng HS đến kết luận:

Nhân vật “tôi” trong *Thương nhớ bầy ong* là Huy Cận nhưng là Huy Cận của “ngày thơ bé”, có những điểm khác với Huy Cận “sau này” về “tuổi tác, nhận thức, quan niệm” (xem *Tri thức đọc hiểu*). Đó chỉ là hình ảnh tuổi thơ của tác giả Huy Cận. Cũng như nhân vật “tôi” trong *Lao xao ngày hè* là chỉ là hình ảnh tuổi thơ của tác giả Duy Khán.

## ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: ĐÁNH THỨC TRẦU

### 1. Mục tiêu dạy học

Liên hệ, kết nối với VB *Lao xao ngày hè*, *Thương nhớ bầy ong* để hiểu hơn về chủ đề *Trò chuyện cùng thiên nhiên*.

### 2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

**Câu hỏi 1:** GV có thể hướng dẫn theo trình tự sau:

– Gợi cho HS phân biệt các dấu hiệu về nghe được và nhìn thấy.

– GV yêu cầu HS xác định chi tiết theo yêu cầu của đề: *Trầu ơi hãy tỉnh dậy/ Mở mắt xanh ra nào*.

– GV có thể bổ sung để HS nhận thấy sự tinh tế, đa dạng của loại chi tiết này trong bài thơ: Không chỉ tin rằng trầu có thể nghe, nhìn thấy mình mà còn tin rằng trầu cũng biết “đau”, biết giật mình (“Tay tao hái rất nhẹ/ Không làm mày đau đâu/... Đừng lụi đi trầu ơi!”). Điều đó cho ta thấy rằng cây trầu có đủ giác quan và có cuộc sống như con người.

**Câu hỏi 2:** GV có thể hướng dẫn theo trình tự sau:

– Hỏi: Trong thực tế đời sống, để thể hiện tình cảm (thân thiết hoặc xa cách) khi trò chuyện, người ta thường xưng hô với nhau như thế nào?

– Gợi dẫn: Cách xưng hô của cậu bé trong bài thơ có làm em ngạc nhiên không? Xưng hô như vậy đã thể hiện được tình cảm gì của cậu bé với cây trầu (sự yêu thương, trìu mến, thân thiết,... như bạn bè)?

**Câu hỏi 3:** Câu hỏi nêu hai yêu cầu: giải thích lí do mỗi khi hái trầu vào ban đêm cậu bé cũng như bà và mẹ mình, phải gọi cho trầu tỉnh ngủ rồi mới xin “hái vài lá”; nhận xét về cách đối xử của người dân quê đối với cây cối trong vườn. Gợi ý trả lời:

– Nêu lí do: vâng theo lời dặn của bà và mẹ và xuất phát từ lòng yêu thương, quý trọng cây cối.

– Nhận xét: người dân quê vốn gắn bó với ruộng vườn cây cối loài vật hơn nữa mọi sản vật nuôi trồng đều thấm đẫm mồ hôi công sức của bản thân gia đình và bao đời nên càng giàu lòng yêu quý nâng niu loài vật. Bài thơ *Đánh thức trâu* đã cho thấy điều đó.

**Câu hỏi 4:** Giải thích sơ bộ câu hát của bà: trâu và người bình đẳng, ngang hàng, hai bên cùng tôn trọng, quý mến nhau, dựa vào nhau mà sống thân thiết như bạn bè tại làng quê.

Bàn luận: Quan niệm “con người là chúa tể của muôn loài” không phải là quan niệm của người dân quê. Đó là một quan niệm không công bằng, dẫn đến những tác hại đối với các loài cây, loài con và môi trường sống. Con người nói chung và mỗi một chúng ta nên học tập cách ứng xử của cậu bé, bà và mẹ cậu bé cũng như những người dân quê khác, để chung sống bền lâu với thiên nhiên.

## THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

### 1. Mục tiêu dạy học

Nhận biết được biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ và tác dụng của chúng; vận dụng được biện pháp tu từ khi viết và nói.

### 2. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

GV dựa vào phần *Tri thức tiếng Việt* trong SGK để hướng dẫn học sinh hình thành kiến thức.

### 3. Thực hành tiếng Việt

Trong bài học này, HS được hướng dẫn thực hành về ẩn dụ, hoán dụ. Các dữ liệu được sử dụng để xây dựng hệ thống bài tập thực hành về hiện tượng ngôn ngữ này chủ yếu được lấy từ ba VB đọc.

GV tổ chức cho HS thực hành, vận dụng lí thuyết vào nhận biết, phân tích, so sánh, đánh giá hiệu quả của ẩn dụ, hoán dụ trong các bài tập *Thực hành tiếng Việt*. Dưới đây là một số gợi ý về đáp án và cách thực hiện đối với các bài tập.

**Bài tập 1:** GV cho mỗi HS tìm một ví dụ cho mỗi biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ) và từ ví dụ, yêu cầu chỉ ra điểm giống nhau, khác nhau giữa hai biện pháp này.

Để giúp HS nhận ra về điểm giống nhau và điểm khác nhau, GV có thể sử dụng bảng so sánh như sau:

### Bảng đối chiếu so sánh và ẩn dụ

Ví dụ về so sánh (Lao xao ngày hè)	Ví dụ về ẩn dụ (Lao xao ngày hè)
<b>“Con diều hâu lao như mũi tên xuống...”</b>	“Lần này nó chưa kịp ăn, <b>những mũi tên đen mang hình đuôi cá</b> từ đâu tới tấp bay đến.”
Cái được so sánh: “con diều hâu” [A] Cái dùng để so sánh: “mũi tên xuống” [B] Từ so sánh: “như” [A] như [B]	Cái dùng để so sánh: “những mũi tên đen mang hình đuôi cá” (từ đâu tới tấp bay đến) [B] Cái được so sánh: không (“những con chèo bẻo”: xuất hiện ở câu tiếp sau) [B]

Từ việc đối chiếu ví dụ như trên, GV hướng HS tới kết luận (đây cũng chính là những dấu hiệu chính để nhận biết ẩn dụ và so sánh trong VB):

#### Bài tập 2:

Điểm giống nhau giữa so sánh và ẩn dụ	Điểm khác nhau giữa so sánh và ẩn dụ
Cả hai đều dựa trên quan hệ liên tưởng tương đồng.	So sánh: có đủ cái được so sánh, cái dùng để so sánh, từ so sánh. Ẩn dụ: chỉ có cái dùng để so sánh.

Gợi ý phân tích các ẩn dụ được dùng trong câu **“Kẻ cắp** hôm nay gặp **bà già**” và câu **“người có tội** khi trở thành **người tốt** thì tốt lắm”:

– “Kẻ cắp”: ẩn dụ chỉ chim chèo bẻo.

– “Bà già”: ẩn dụ chỉ đôi thủ kinh địch của chim chèo bẻo (đôi thủ này đã được nói đến trong đoạn trước chính là chim diều hâu, kẻ bị bầy chèo bẻo vây đánh toi tả).

Nét tương đồng giữa hai từ “chèo bẻo” và “kẻ cắp”: (qua cái nhìn cảm nhận của dân gian và cậu bé “tôi”): ban đêm ngày mùa, thức suốt đêm rình mò như kẻ cắp. Nét tương đồng hai từ giữa “diều hâu” và “bà già”: lọc lõi, ác độc (chuyên rình mò, đánh hơi bắt trộm gà con).

– “Người có tội” – “người tốt”: ẩn dụ chỉ chim chèo bẻo qua việc vây đánh diều hâu lập công cứu gà con.



*Lưu ý:*

GV nên giải thích cho HS biết rằng cách quan sát miêu tả các loài chim của nhân vật “tôi” trong VB là rất hồn nhiên và mang kinh nghiệm dân gian. Theo đó, thế giới loài chim được phân ra hai loại: 1) những loài chim “xấu” và “ác”; 2) những loài chim “tốt” và “hiền”. Điều hâu là “chim xấu”, “chim ác”; Chèo bẻo cũng thường bị coi là xấu và ác. Nhưng khi bầy chèo bẻo vây đánh điều hâu, cứu sống gà con, thì lại được cậu bé nhìn nhận khác hẳn: “người có tội khi trở thành người tốt thì tốt lắm”.

**Bài tập 3:** Định hướng trả lời:

a. *Cả làng xóm hình như (...) cùng thức với giờ, với đất.* (Duy Khán, *Lao xao ngày hè*)

Hoán dụ: “cả làng xóm” chỉ người trong xóm.

b. *Sau nhà có hai đống “sây” lắm.* (Huy Cận, *Thương nhớ bầy ong*)

Hoán dụ: “hai đống ong” chỉ những con ong trong đống.

c. *Thời đồ đường Bờ Sông chỉ trải đá, chưa tráng nhựa, chiều hè gió ngoài sông thổi vào, bụi mù, thành phố phải dùng những xe bò kéo chở nước đi tưới.* (Nguyễn Hiền Lê, *Một năm ở Tiểu học*)

Hoán dụ: “thành phố” chỉ người dân trong thành phố.

d. *Mùa đông, tôi không ra đường chơi được thì ở nhà đọc truyện Tàu cho cả nhà trong (...), nhà ngoài (...) nghe, hết một cuốn thì cầm hai xu chạy vì lại hiệu Cát Thành đầu phố Hàng Gai đổi cuốn khác.* (Nguyễn Hiền Lê, *Một năm ở Tiểu học*)

Hoán dụ: “nhà trong”, “nhà ngoài” chỉ những người thân ở “nhà trong” và “nhà ngoài” (mỗi “nhà” là một gia đình riêng).

**Bài tập 4:** Câu hỏi có 2 yêu cầu: nêu dùng tên biện pháp tu từ (nhân hoá) và giải thích cơ sở nhận biết (quan hệ liên tưởng).

GV cần hướng dẫn HS nhận ra cơ sở liên tưởng tương đồng trong trường hợp này: cây trầu cũng có mắt như người.

**Bài tập 5:** Yêu cầu HS dẫn ra một câu văn sử dụng biện pháp ẩn dụ hoặc hoán dụ thú vị trong *Lao xao ngày hè* hoặc *Thương nhớ bầy ong* và chia sẻ điều thú vị ấy với mọi người.

**Bài tập 6:** Yêu cầu HS chỉ ra biện pháp tu từ (nhân hoá) trong các dòng thơ “Đã ngủ rồi hả trầu?/ Tao đã đi ngủ đâu/ Mà trầu mà đã ngủ” và cho biết những dấu hiệu nào giúp em nhận ra biện pháp nghệ thuật ấy.

**Bài tập 7:** Yêu cầu HS giải thích được lí do của sự gặp gỡ: *Lao xao ngày hè*, *Thương nhớ bầy ong*, *Đánh thức trầu* đều viết về tuổi thơ tác giả gắn với cây cối, loài vật. Cả ba văn bản đều sử dụng biện pháp nhân hoá.

GV có thể hướng dẫn HS suy nghĩ và giải thích bằng một số lí do. Chẳng hạn:

– Việc sử dụng biện pháp nhân hoá làm cho cây cối loài vật trở nên sống động, hấp dẫn hơn;

– Trẻ thơ thường nghĩ loài vật, cây cỏ, chim chóc cũng có tình cảm suy nghĩ như con người. Trần Đăng Khoa làm bài thơ trên khi mới 8-9 tuổi. Duy Khán, Huy Cận viết hồi kí kể về tuổi thơ của mình qua cái nhìn của những cậu bé.

## VIẾT NGẮN

Viết ngắn, trong trường hợp này đồng thời cũng có nghĩa là phải viết nhanh, tạo lập được sản phẩm (đoạn văn) trong một khoảng thời gian ngắn. Với kiểu bài tập này, chưa nên đặt nặng yêu cầu viết tốt, viết hay mà nên coi trọng kĩ năng viết nhanh. GV nên hướng dẫn HS thực hiện theo các bước:

– Đọc đề bài, gạch chân từ ngữ quan trọng để xác định yêu cầu của đề. Với bài tập này, có cả yêu cầu về đề tài (viết về cái gì?) và yêu cầu về hình thức, diễn đạt (sử dụng ít nhất hai trong số các biện pháp tu từ: ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ);

– Lựa chọn đề tài cho đoạn văn ngắn của bản thân: (viết về cây hoa thì là hoa gì?, viết về con vật thì là con vật nào?); lựa chọn nhanh biện pháp tu từ cần sử dụng (nhân hoá/ẩn dụ/hoán dụ?).

– Viết bản thảo đoạn văn đồng thời đọc lại và chỉnh sửa nhanh.

GV nhận xét, đánh giá và gợi ý hướng chỉnh sửa.

## ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: MỘT NĂM Ở TIỂU HỌC

### 1. Mục tiêu dạy học

– Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của hồi kí.

– Nhận biết được chủ đề của VB tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của VB.

### 2. Thực hành đọc

SGK đã đưa ra một số khuyến nghị định hướng giúp HS thực hiện các bước đọc mở rộng theo thể loại. Cụ thể là:

– Tìm hiểu các thông tin về tác giả Nguyễn Hiến Lê, hồi kí *Hồi kí Nguyễn Hiến Lê* và VB *Một năm ở Tiểu học*. Nhớ lại những gì đã được đọc và tìm hiểu được về hồi kí qua *Lao xao ngày hè*, *Thương nhớ bấy ong*.

Hướng dẫn HS đọc kĩ VB *Một năm ở Tiểu học*, đối chiếu với đặc điểm của thể loại hồi kí (trong mục *Tri thức đọc hiểu*) và hoàn tất các câu văn theo yêu cầu của bài tập.

## VIẾT

### 1. Mục tiêu dạy học

- Biết viết VB đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tài liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
- Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt.

### 2. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản

Trước khi hướng dẫn HS phân tích kiểu VB và tạo lập VB, GV cần dành thời gian để trao đổi, trang bị cho HS một số tri thức cơ bản về kiểu bài tả cảnh sinh hoạt. Tri thức này đã được nêu tóm lược trong SGK (trong khung).

Theo đó, có 2 nội dung: 1) Khái niệm tả cảnh sinh hoạt; 2) Yêu cầu đối với kiểu bài (SGK nêu 7 yêu cầu).

Về khái niệm, đặc điểm chung của kiểu bài, GV có thể cho HS đọc nhanh rồi đưa ví dụ minh họa, nhấn mạnh được các ý: người viết dùng khả năng quan sát và lời văn gọi tả, làm sống lại bức tranh sinh hoạt, giúp người đọc hình dung được rõ nét về không khí, đặc điểm nổi bật của cảnh sinh hoạt ấy.

Về các lưu ý cụ thể khi làm bài văn miêu tả cảnh sinh hoạt, GV lưu ý HS đánh dấu một số từ ngữ quan trọng trong mỗi yêu cầu. Trong đó HS cần nắm vững yêu cầu của mỗi phần mở bài, thân bài, kết bài.

### 3. Phân tích kiểu văn bản

Một số lưu ý về nội dung và cách thực hiện khâu này:

– Bài văn được chọn làm “mẫu” để phân tích về kiểu bài tả lại một phiên chợ nổi ở miền Tây. GV lưu ý HS quan sát. Trước khi hướng dẫn HS phân tích mẫu GV cần đọc kĩ trang này và lưu ý HS đọc VB bài viết lần các thông tin chỉ dẫn kèm theo, nhắc các em khi đọc phải làm sao vừa tri nhận bao quát toàn VB, vừa nắm bắt các chi tiết cụ thể về ý tưởng lẫn cách thức miêu tả.

– GV yêu cầu HS đọc, suy nghĩ trả lời các câu hỏi ở trang kế tiếp nhằm giúp các em tự rà soát cách người viết thực hiện các yêu cầu cụ thể của bài văn miêu tả cảnh sinh hoạt. HS kiểm tra việc đáp ứng các yêu cầu của bài văn *Tả lại một phiên chợ đang nở trên sông nước miền Tây* theo 6 câu hỏi trong SGK.

### 4. Viết theo quy trình

Đây là bài viết số 4 thuộc bài học số 4, HS cần tiếp tục được hướng dẫn thực hiện yêu cầu viết một bài văn theo quy trình viết nói chung, viết bài văn tả lại một cảnh sinh hoạt nói riêng. SGK đã có các hướng dẫn khá tỉ mỉ về quy trình này.

Việc dạy HS thực hành viết bài văn tả lại một cảnh sinh hoạt cũng tuân thủ quy trình: 1. Chuẩn bị trước khi viết (bao gồm xác định đề tài và thu thập tư liệu); 2. Tìm ý, lập dàn ý; 3. Viết bài; 4. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, GV nên lưu ý một số bước mà khi thực hiện, có thể HS thường bỏ qua, ít chú ý luyện tập (ví dụ: bước xác định đề tài, thu thập tư liệu), hoặc một số bước tuy biết là quan trọng song thực hiện thường không dễ với nhiều công sức, thời gian (ví dụ: bước lập dàn bài, viết bài, xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm).

### ***Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết***

#### ***Xác định đề tài:***

Cần phải hiểu xác định đề tài là hoạt động, công việc của HS, không nên, không được làm thay bởi người khác. Dựa vào SGK, GV có thể gợi ra một danh mục đề tài để HS cân nhắc lựa chọn (cũng có thể chọn một đề tài khác):

- Cảnh sum họp của gia đình em trong ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày lễ, tết.
- Cảnh thu hoạch ngày mùa.
- Cảnh mua bán trong một siêu thị.
- Cảnh sân trường trong giờ ra chơi.
- ...

GV lưu ý HS: trên đây chỉ là danh mục đề tài gợi ý. HS phải tự mình lựa chọn đề tài nhưng để việc triển khai đề tài thuận lợi nhất, cảnh được chọn nên là:

- Cảnh mà em yêu thích, có hứng thú trong việc quan sát, miêu tả.
- Cảnh quen thuộc, gần gũi với em.
- Cảnh thuận lợi cho em trong việc quan sát thực tế để chuẩn bị cho bài viết.

#### ***Thu thập tư liệu***

Sau xác định đề tài là thu thập tư liệu liên quan đến đề tài. Tư liệu cần thu thập bao gồm tư liệu quan sát thực tế và tư liệu thu thập từ các nguồn khác. Chẳng hạn, với bài miêu tả cảnh sinh hoạt thì cần có tư liệu quan sát thực tế về cảnh sinh hoạt ấy cùng các tư liệu tranh ảnh, kiến thức địa lí văn hoá của địa phương liên quan.

Dựa vào các ý tưởng tương đối cụ thể, HS thực hiện việc thu thập thêm tư liệu (bao gồm tư liệu quan sát thực tế và tư liệu thu thập từ các nguồn khác).

### ***Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý***

#### ***Tìm ý***

Trước khi có bài dạy học viết bài văn miêu tả cảnh sinh hoạt khoảng vài tuần lễ, GV nên gợi ý cho HS tự chọn đề tài và nên quan sát thực tế, điền vào phiếu quan sát hoặc ghi chép tư liệu chuẩn bị cho lập dàn ý và viết bản thảo.

Đến lớp, khi thực hiện bước này, GV hướng dẫn mỗi HS dựa vào kết quả tìm ý tưởng đã chuẩn bị ở nhà, phác thảo ý tưởng cho bài viết dựa trên các câu hỏi trong SGK hoặc Phiếu tìm ý tưởng: Quan sát và ghi chép của tôi về một cảnh sinh hoạt.

### PHIẾU Ý TƯỞNG

#### **Quan sát và ghi chép của tôi về một cảnh sinh hoạt**

– Tôi muốn viết VB tả lại cảnh sinh hoạt nào?

.....

– Cảnh sinh hoạt ấy diễn ra ở đâu, vào thời gian nào?

.....

– Cảnh sinh hoạt ấy có những hoạt động, hình ảnh quan trọng nào?

.....

– Nhìn bao quát từ xa, khung cảnh, không khí chung của bức tranh có những nét nổi bật nào?

.....

– Ở vị trí quan sát gần hơn, những hình ảnh, hoạt động nào sẽ là điểm nhấn của bài viết?

.....

– Hình ảnh, hoạt động trong cảnh sinh hoạt đã tác động đến các giác quan nào của tôi?

.....

– Những hình ảnh thiên nhiên nào đã làm nền cho bức tranh sinh hoạt? Chúng có nên được nhân hoá?

.....

– Cảm tưởng/ấn tượng chung của tôi khi quan sát cảnh sinh hoạt này?

.....

#### **Lập dàn ý**

GV hướng dẫn HS lập dàn ý theo bố cục của bài văn tả cảnh sinh hoạt (xem SGK).

#### **Bước 3: Viết bài**

Đây là bước mà HS cần nhiều thời gian để tự làm việc. Nhưng GV cần nhắc HS trong khi viết phải thường xuyên đối chiếu với tri thức về yêu cầu, đặc điểm của kiểu bài để điều chỉnh bài viết.

GV tổ chức cho HS thảo luận bước 1, 2, 3 trên lớp; còn bước 4 (viết bài) có thể cho HS thực hiện ở nhà. Trên lớp, bước này chỉ nên dừng ở mức viết một phần hoặc một vài đoạn (triển khai một vài phân, mục của dàn bài).

#### ***Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và chia sẻ rút kinh nghiệm***

Bởi HS chưa có bản thảo toàn văn bài viết (còn phải chờ thực hiện bước này ở nhà), cho nên trên lớp, việc thực hiện bước này cũng chỉ là dựa trên cơ sở một phần, một đoạn HS đã viết trên lớp. Mục đích chủ yếu là khép lại một quy trình, để HS hình dung trọn vẹn được một quy trình viết cùng những bước đi quan trọng cần phải có trong tạo lập VB. Tuy vậy, cũng như khi hướng dẫn thực hành bài viết đối với các kiểu bài khác, trong trường hợp này, GV có thể tổ chức ba hoạt động:

- Hướng dẫn HS dùng *Bảng kiểm bài viết tả lại một cảnh sinh hoạt* lần lượt đối chiếu, rà soát lại yêu cầu về nội dung của từng phần (mở bài, thân bài, kết bài) để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân (thực hiện ở nhà).
- Tổ chức cho 2 HS trao đổi bài, tiếp tục dùng bảng kiểm để góp ý cho nhau. Khuyến khích HS về nhà tiếp tục điều chỉnh bài viết.
- Cho HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và từ những gì học hỏi được từ bạn về cách kể lại trải nghiệm của bản thân.

### **NÓI VÀ NGHE**

#### **1. Mục tiêu dạy học**

Nói và nghe về cảnh sinh hoạt.

#### **2. Thực hành nói và nghe**

##### ***Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói***

Với bài nói này, đề tài đã được xác định qua bài viết: *Trình bày về một cảnh sinh hoạt*. GV yêu cầu HS tập trung xác định người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.

##### ***Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý***

GV lưu ý HS việc tìm ý và lập dàn ý của bài nói trong trường hợp này đã được thực hiện trong giờ học viết. Tuy nhiên HS vẫn phải suy nghĩ cách chuyển dàn ý của bài viết thành dàn ý của bài nói sao cho việc trình bày thuận tiện nhất.

Cần nhắc HS: Dàn ý cho một bài nói cũng cần có lời mở đầu, phần chính và lời kết. Lời mở đầu cần thu hút được sự chú ý của người nghe (ví dụ, đưa ra một bức tranh, một sơ đồ, một câu tục ngữ, kể một mẩu chuyện liên quan đến vấn đề). Lời kết thúc bài nói cần tạo được ấn tượng, thân thiện, chứng tỏ sự tôn trọng người nghe.

##### ***Bước 3: Luyện tập và trình bày***

GV hướng dẫn HS thực hiện bước này như đã thực hiện như ở bài 1.

Về việc phân bố thời gian, phần Nói và nghe chỉ có 1 tiết, GV nên thiết kế nửa đầu tiết học dừng lại ở việc hướng dẫn HS chuẩn bị bài nói, nửa sau cho bước trình bày bài nói tại lớp.

#### **Bước 4: Trao đổi, đánh giá**

GV hướng dẫn HS lần lượt tự đặt mình trong vai trò người nói và vai trò người nghe để trao đổi, đánh giá; lưu ý hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm bài nói về một cảnh sinh hoạt.

### **ÔN TẬP**

Trước khi ôn tập, GV cần hướng dẫn HS đọc VB đọc mở rộng theo thể loại ở nhà (*Một năm ở Tiểu học*). Sau đó, cho HS thực hiện các bài tập ôn về đọc, viết, nói và nghe, chủ điểm và đối chiếu với câu hỏi lớn.

Một số gợi ý cụ thể:

**Bài tập 1:** Việc nhận ra 3 trong số 4 VB mà câu hỏi nêu ra là hỏi kí không khó, điều quan trọng là HS đưa ra được các dấu hiệu nhận biết hỏi kí (như câu hỏi yêu cầu: Dựa vào đâu để em khẳng định như vậy?).

**Bài tập 2:** Việc chọn VB hỏi kí yêu thích, giải thích lí do, tóm tắt nội dung là tùy thuộc vào sự lựa chọn của cá nhân HS. Tuy nhiên vì bài học chỉ có ba VB hỏi kí (hai VB đọc chính và 1 VB đọc mở rộng). Mọi lựa chọn dù khác biệt thế nào cũng không thể vượt ra ngoài phạm vi ba VB này.

**Bài tập 3:** GV hướng dẫn HS dựa vào mục *Tri thức về kiểu bài* cùng những thu hoạch của bản thân về quy trình viết bài văn miêu tả cảnh sinh hoạt để trả lời câu hỏi. Có thể dùng một bảng tổng hợp, hệ thống hoá các nội dung chính để HS dễ nhớ.

**Bài tập 4** (ôn tập về *nói và nghe*): GV có thể hướng dẫn HS thực hiện như với bài tập 3 khi HS ôn tập về viết).

**Bài tập 5:** GV hướng dẫn HS thực hành nói hoặc viết thể hiện quan sát, cảm nhận của mình về một mùa trong năm. GV lưu ý HS tự kiểm xem mình đã sử dụng phép tu từ gì, có phù hợp không. Qua đó mà củng cố, ôn luyện về các phép tu từ (như ẩn dụ, hoán dụ, so sánh, nhân hoá, ...).

**Bài tập 6:** Đây là bài tập mở, giúp HS kết nối những gì đã thu nhận được từ bài học liên quan đến chủ điểm như một cách trả lời câu hỏi lớn.

GV nên nhắc HS nhớ lại câu hỏi lớn nêu ở đầu bài học và cho HS vài phút nhanh ra giấy một vài suy nghĩ của mình về ý nghĩa của những trải nghiệm liên quan đến thiên nhiên của bản thân. Sau đó, có thể mời một vài HS trình bày trước lớp để chia sẻ. Hoạt động này giúp cả lớp hiểu bạn mình hơn.

HS có thể đưa ra nhận định mang tính trải nghiệm của mình. Chẳng hạn: Cần xem cỏ cây, loài vật như bầu bạn mới có thể trò chuyện được với chúng; Khi bạn biết cách quan sát loài vật, tưởng tượng sinh động và biết dùng phép nhân hoá khéo léo, đó là lúc bạn đang trò chuyện cùng thiên nhiên; Hãy dành tình yêu thương cho cỏ cây loài vật, nỗi buồn lo sẽ được xua đi và bạn sẽ không còn cảm thấy cô đơn; Việc trò chuyện cùng thiên nhiên là một cách trò chuyện với chính mình; ...